

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : /ĐLKH- P5  
V/v giải trình thay đổi số liệu, kết quả  
kinh doanh giữa BCTC quý 4/2019 và  
BCTC năm 2019 đã kiểm toán

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa giải trình nguyên nhân số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính quý 4 năm 2019 đã công bố chênh lệch từ 5% trở lên so với báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán như sau:

**1. Giải trình số liệu chênh lệch từ 5% trên Báo cáo Cân đối kế toán:**

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu   | Số liệu theo<br>BCTC<br>Quý 04/2019<br>(1) | Số liệu theo<br>BCTC năm 2019<br>đã kiểm toán<br>(2) | Chênh lệch<br>(2)-(1)   |
|-----|--|--|--|-------------------------|
| 1.1 | <b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b> (Mã số 242_B01 DN)  | <b>57.422.687.223</b>                      | <b>42.766.598.995</b>                                | <b>(14.656.088.228)</b> |
| a   | <i>Trong đó:<br/>- Căn cứ quyết toán công trình kết chuyển giảm chi phí XD CB dở dang tăng TSCĐ.</i>                                 |  |  | <i>( 846.983.773)</i>   |
| b   | <i>- Kết chuyển giảm chi phí XD CB dở dang chờ quyết toán tạm tăng TSCĐ.</i>   |  |  | <i>(13.809.104.455)</i> |
| 1.2 | <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b> (Mã số 315_B01 DN)  | <b>21.143.164.260</b>                      | <b>15.255.808.330</b>                                | <b>(5.887.355.930)</b>  |
| a   | <i>Trong đó:<br/>- Giảm khoản phải trả lãi vay tăng khoản phải trả ngắn hạn khác dự án (DA) công trình 110KV Nha Trang-Ninh Hòa.</i> |  |  | <i>(6.231.906.284)</i>  |
| b   | <i>- Trích trước thêm các khoản chi phí: chi phí mua điện mặt trời mái nhà, chi phí phát triển khách hàng qua ngân hàng ...</i>      |  |  | <i>344.550.354</i>      |

| STT | Chỉ tiêu  | Số liệu theo BCTC Quý 04/2019 (1) | Số liệu theo BCTC năm 2019 đã kiểm toán (2) | Chênh lệch (2)-(1)     |
|-----|---|-----------------------------------|---|------------------------|
| 1.3 | <b>Phải trả ngắn hạn khác</b> (Mã số 319_B01 DN)  | <b>59.105.725.545</b>             | <b>70.986.054.184</b>                       | <b>11.880.328.639</b>  |
| a   | <i>Trong đó:</i><br>- Tăng khoản phải trả ngắn hạn khác do giảm khoản phải trả lãi vay DA công trình 110KV Nha Trang-Ninh Hòa (đã trình bày mục 1.2a).    |                                   |   | 6.231.906.284          |
| b   | - Phân loại từ phải trả dài hạn sang phải trả ngắn hạn theo kỳ hạn gốc của khoản vay DA công trình 110KV Nha Trang-Ninh Hòa.                              |                                   |   | 8.333.940.777          |
| c   | - Giảm khoản phải trả ngắn hạn tăng thu nhập khác khoản đánh giá lại vật tư thu hồi từ DA công trình 110KV Nha Trang-Ninh Hòa.                            |                                   |   | (2.246.414.541)        |
| d   | - Giảm khoản phải trả ngắn hạn khác do bù trừ cùng đối tượng với khoản phải thu ngắn hạn khác.  |                                   |   | (468.150.000)          |
| e   | - Tăng một số các khoản phải trả ngắn hạn khác.   |                                   |   | 29.046.119             |
| 1.4 | <b>Phải trả dài hạn khác</b> (Mã số 337_B01 DN)   | <b>66.671.526.212</b>             | <b>58.337.585.435</b>                       | <b>(8.333.940.777)</b> |
|     | <i>Phân loại từ phải trả dài hạn sang phải trả ngắn hạn theo kỳ hạn gốc của khoản vay DA công trình 110KV Nha Trang-Ninh Hòa (đã trình bày mục 1.3b).</i> |                                   |   | (8.333.940.777)        |

**2. Giải trình số liệu chênh lệch từ 5% trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Số liệu theo BCTC Quý 04/2019 (1) | Số liệu theo BCTC năm 2019 đã kiểm toán (2) | Chênh lệch (2)-(1)   |
|-----|---|-----------------------------------|---|----------------------|
| 2.1 | <b>Thu nhập khác</b> (Mã số 31_B02 DN)<br><i>Do giảm khoản phải trả ngắn hạn khác, tăng thu nhập khác khoản đánh giá lại vật tư thu hồi từ DA công trình 110KV Nha Trang-Ninh</i> | <b>20.840.818.025</b>             | <b>23.087.232.566</b>                       | <b>2.246.414.541</b> |

| STT | Chỉ tiêu   | Số liệu theo BCTC Quý 04/2019<br>(1) | Số liệu theo BCTC năm 2019 đã kiểm toán<br>(2) | Chênh lệch<br>(2)-(1) |
|-----|--|--------------------------------------|--|-----------------------|
|     | <i>Hòa (đã trình bày mục 1.3c)</i>   |                                      |  |                       |
| 2.2 | <b>Lợi nhuận khác</b> (Mã số 25_B02 DN) (do tăng thu nhập khác) (đã trình bày mục 2.1) | 15.476.325.855                       | 17.722.740.396                                 | 2.246.414.541         |

Công ty kính báo để Quý Sở và Quý Ủy ban được biết.  
Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TKCT;
- Lưu VT, P5.